TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/DS - ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2017
V/v: " Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;
Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;
2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017; Về việc "Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2017/QĐST - DS ngày 24/11/2017 giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị Tr - sinh năm 1972(Có mặt);

- Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1969 (Là chồng) – do chị Hà Thị Tr – là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

- Đều có địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Anh Đoàn Văn Q - sinh năm 1971 (Vắng mặt);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Âu Thị H – sinh năm 1972 (Vợ anh Q) (Vắng mặt)
- Đều có địa chỉ: Thôn T L, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Hà Thị Tr và anh Nguyễn Văn N ngày 17/7/2017, bản tự khai của chị Hà Thị Tr ngày 07/8/2017(BL 01; 19):

Ngày 09/12/2013 (Âm lịch) anh Đoàn Văn Q đến vay của vợ chồng Chị số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) để làm xưởng gỗ và sắm đồ mộc, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ là bao nhiêu, thời gian vay là 03 tháng đến ngày 09/3/2014 thì trả. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền.

Ngày 08/4/2014 (Âm lịch) anh Đoàn Văn Q lại vay của vợ chồng Chị số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ là bao nhiêu, thời gian vay là 01 tháng đến ngày 08/5/2014 thì trả. Hai bên có viết

giấy biên nhận vay tiền. Đến hạn trả nợ hai khoản tiền đã vay ở trên, anh Q không trả cho vợ chồng Chị số tiền ở trên. Chị đã đến nhà anh Q, chị H đòi nhiều lần số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) mà anh Q đã vay ở trên, nhưng anh Q và chị H vẫn không trả được. Vì vậy vợ chồng Chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đoàn Văn Q và chị Âu Thị H phải trả vợ chồng Chị số tiền đã vay ở trên. Chị không yêu cầu tính lãi cho đến khi trả xong số tiền còn nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao cho anh Đoàn Văn Q và chị Âu Thị H thông báo về việc thụ lý vụ án, đồng thời giải thích trợ giúp pháp lý theo quy định. Anh Q, chị H đã nhận thông báo thụ lý nhưng không ký biên bản giao nhận, đồng thời có ý kiến không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nào và không ký biên bản giải thích trợ giúp pháp lý. Tòa án đã làm việc với cán bộ xã M về đối tượng được trợ giúp pháp lý đối với anh Q, chị H. UBND xã cung cấp vợ chồng anh Q, chị H đều không thuộc đối tượng trợ giúp Pháp lý theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q, chị H không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền mà chị Tr và anh N khởi kiện yêu cầu anh Q, chị H phải trả nợ ở trên. Tòa án đã nhiều lần báo anh Q, chị H đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh Q, chị H đều không có mặt để giải quyết. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q, chị H để mở phiên họp và phiên hòa giải vào các ngày 03/10/2017; 08/11/2017, anh Q, chị H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy các phiên họp và hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207; Khoản 1, 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Biên bản phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án đã giao cho anh Q, chị H;

Bị đơn là anh Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Âu Thị H có nghĩa vụ liên đới không có mặt tại phiên tòa ngày 24/11/2017, do vậy phiên tòa phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Quyết định hoãn phiên tòa đã đ- ợc tống đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh Q, chị H đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của những ng- ời tham gia tố tụng trong vụ án cũng như về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH ỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Âu Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Căn cứ điểm b, Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ – HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì chị Tr, anh N khởi kiện đòi lại tài sản, do

vậy cũng không được tính lãi đối với tài sản là số tiền đã cho vay. Việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản nên về thời hiệu vẫn còn. Không có đương sự nào yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ tranh chấp: Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ, có căn cứ.

Khi vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy biên nhận vay tiền, nội dung thể hiện số tiền đã vay, lãi suất thỏa thuận nhưng không thể hiện rõ là bao nhiêu, thời hạn trả, các bên có sự cam kết về việc thanh toán trả nợ tiền đã vay và đều tự nguyện ký giấy vay tiền . Do anh Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ về thời hạn trả nợ, lãi suất đã thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền. Xét về hình thức và nội dung giấy biên nhận vay tiền, giấy biên nhận vay tiền là một thỏa thuận giữa hai bên trong giao dịch dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật phù hợp quy định tại các Điều 389; các Điều 401; 402; 403; 404 của Bộ Luật dân sự năm 2005 tại thời điểm ký kết. do vậy giấy biên nhận vay tiền ở trên là một dạng hợp đồng dân sự về vay tài sản. Các bên không thực hiện đúng giao dịch đã ký kết. Nguyên đơn thực hiện khởi kiện tại Tòa án để đòi số tiền gốc là phù hợp với quy định của Pháp luật, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện rõ là bao nhiêu và thỏa thuận thời hạn trả nợ. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (Nay quy định tại Điều 463; Khoản 1, 4, điển b Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015). Nguyên đơn trong vụ án yêu cầu Tòa án buộc anh Đoàn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Âu Thị H có nghĩa vụ liên đới phải trả 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và không yêu cầu trả lãi cho đến khi trả xong số tiền còn nợ ở trên. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định của Điều luật tương ứng Bộ Luật dân sự, nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Đoàn Văn Q và chị Âu Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn đ- ợc chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp đ- ợc hoàn trả theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 688; Điều 288; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Khoản 1, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr;

Buộc anh Đoàn Văn Q và chị Âu Thị H có nghĩa vụ liên đới, phải trả cho anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr số tiền đã vay là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Anh Q và chị H không phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

3- Về án phí: Anh Đoàn Văn Q và chị Âu Thị H phải chịu 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hà Thị Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001765 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Báo cho đ- ơng sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan